

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 119/2025/DS-ST

Ngày: 23 – 5 - 2025.

Về: “*Tranh chấp, hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Bà Phan Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1280/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2025/QĐXX- DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Trung T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số H, đường Y, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đóng bị đơn: Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1962 – bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; cùng địa chỉ cư trú: Số H, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt ông T1 – bà H*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/9/2024 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Lê Trung T trình bày:

Vào ngày 01/02/2023, ông cho ông Đặng Văn T1 - bà Nguyễn Thị H vay 550.000.000 đồng, để ông T1 - bà H đáo hạn Ngân hàng. Khi vay ông T1 – bà H có ký giấy nhận nợ, với thỏa thuận lãi suất 01% tháng và hẹn trong hạn thời gian 01 tháng sẽ hoàn trả lại. Quá trình thực hiện đến ngày 09/02/2023 ông T1 – bà H trả được 300.000.000 đồng vốn và 25.000.000 đồng tiền lãi, còn lại 250.000.000 đồng vốn và lãi suất đến nay không trả. Nhiều lần đòi thì ông T1 – bà H lánh mặt.

Nay yêu cầu ông T1 – bà H phải trả ngay số tiền trên cùng với lãi suất từ ngày 10/12/2023 đến 10/9/2024 là 22.500.000 đồng và lãi suất phát sinh đến khi xét xử.

Bị đơn ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị H đã được tổng đạt thông báo về công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T1 - bà H vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông T yêu cần tính lãi cụ thể từ tháng 02/2023 đến khi xét xử, theo mức lãi 01% tháng và khấu trừ lại tiền lãi ông T1 - bà H1 đã trả 25.000.000 đồng.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ giấy nhận nợ ngày 01/02/2024 thì cả ông T1 - bà H cùng ký nhận vay của ông T 550.000.000 đồng. Theo ông T khai ngày 09/02/2023 ông T1 – bà H có trả 300.000.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng và sau đó có trả 25.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng, nên ông T kiện yêu cầu trả vốn và lãi theo mức 01% tháng là có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Văn T1 – bà Nguyễn Thị H đã được tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử trong trường hợp vắng mặt ông T1 – bà H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông T1 – bà H vay nhưng ông, bà không trả dứt điểm, căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - Thẩm quyền: Thời gian cho vay là ngày 01/02/2023 thỏa thuận khi vay trong khoảng 01 tháng trả, nhưng ông T1 – bà H không thực hiện đúng, nên ngày 20/9/2024 ông T khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; ông T1 - bà H có nơi cư trú tại huyện C, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận vay trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp. Tuy nhiên, do ông T1 – bà H vắng mặt từ đầu, không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu kiện của ông T, nên theo từng yêu cầu

của ông T, HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Về vốn vay: Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu trả vốn còn lại 250.000.000đồng, kèm theo tài liệu chứng cứ là giấy nhận nợ ngày 01/02/2023 chính do ông T1 – bà H (bên nhận nợ) ký nhận, ghi rõ bằng chữ (*Năm trăm năm mươi triệu chẵn*), nhưng ông T1 – bà H không có ý kiến phản đối, chứng tỏ ông T1 – bà H có nợ ông T và yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất: Cũng theo giấy nhận nợ ngày 01/02/2023 thì thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận là 01% tháng, tương đương 12%/năm là thấp hơn mức lãi quy định tại khoản 1 và cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được HĐXX chấp nhận.

Như về thời gian và mức lãi được tính như sau: Từ tháng 02/2023 đến nay tháng 5/2025 bằng 02 năm 03 tháng bằng 27 tháng. Cụ thể: 250.000.000đồng x 12%/năm x (27/12)/năm = 67.500.000 đồng.

Tổng cộng vốn + lãi, ông T1 – bà H phải trả là 250.000.000đồng + 67.500.000đồng = 317.500.000 đồng.

Do ông T có nhận của ông T1 – bà H 25.000.000 đồng, nên được khấu trừ 317.500.000 đồng – 25.000.000 đồng, còn lại 282.500.000 đồng **ông T1 – bà H phải trả cho ông T.**

[5]. Về nghĩa vụ: Ông T1 – bà H là vợ chồng, ông T1 – bà H cùng vay tiền của ông T, mục đích vay sử dụng chung để đáo hạn Ngân hàng nên phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng K theo Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của ông T được chấp nhận, nên ông T không chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp. Riêng ông T1 – bà H phải chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ của **ông** bà phải trả 282.500.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 288 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của ông Lê Trung T.

Buộc ông Đặng Văn T1 – bà Nguyễn Thị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Trung T 282.500.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Đặng Văn T1 – bà Nguyễn Thị H phải cùng chịu 14.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới hoàn trả cho ông Lê Trung T 6.812.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0023475 ngày 21/10/2024.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện Chợ Mới;
- THADS Chợ Mới để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ